

Bản án số: **313/2022/HSST**

Ngày: **26/12/2022**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Đình Quang và ông Trần Quốc Sơn
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị KimThơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/12/2022, tại trụ sở TAND quận N, thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 323/2022/HSST ngày 30/11/2022, đối với bị cáo:

Trần Thị Phương T, sinh năm 1993; Giới tính: Nữ;

Nơi ĐKNKTT: Số 71, đường N, tổ 18, phường C, thành phố L, tỉnh L.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Trần Hữu T và bà Đỗ Thị L

Bị cáo có chồng là Vũ Trọng H, sinh năm 1992 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại - Có mặt

Người bị hại: Chị Trịnh Thương D, sinh năm 1989 – Xin xét xử vắng mặt

Nơi ĐKNKTT: Tổ 6, phường T, Tp P, tỉnh V.

Nơi cư trú: Số 8, ngõ 11/18/5, phường A, quận T, Hà Nội.

NỘI D VỤ ÁN

Bị cáo bị VKSND quận N, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do muốn có tiền trả nợ, nên từ ngày 06/12/2021 và ngày 08/12/2021, Trần Thị Phương T đã dùng thủ đoạn gian dối: Kêu gọi chị Trịnh Thương D đầu tư, góp tiền cùng T để kinh doanh, bán hàng online. Giữa T và chị D thỏa thuận lợi nhuận sẽ được ăn chia theo tỷ lệ chị D nhận 70%, T nhận 30%. Sau khi khách đặt hàng, T đã

giao hàng và nhận tổng số tiền vào ngày 06/11/2021 là 27.400.000đ, ngày 09/12/2021 20.000.000đ, ngày 13/12/2021 là 10.000.000đ; ngày 10/12/2021 là 25.540.000đ. Tổng 03 lần nhận tiền 82.940.000đ của khách, nhưng T không trả tiền cho chị D như thoả thuận mà chiếm đoạt để chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Ngày 27/01/2022, chị D gửi đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an quận N. Ngày 31/3/2022, T đã khắc phục trả chị Trịnh Thương D số tiền 50.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 326/CT-VKSNTL ngày 30/11/2022 của VKSND quận N, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS;

Kết thúc phần tranh tụng; Tại phần tranh luận, đại diện VKS đọc bản luận tội; Nội D bản luận tội đã phân tích nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo; Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS; Điều 584, 585 BLDS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường tiếp cho người bị hại 32.940.000đ; Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

Người bị hại – Chị Trịnh Thương D trình bày: Do tin tưởng bị cáo nên chị đã cùng bị cáo đầu tư mua, bán hàng online, cùng thoả thuận phân chia lợi nhuận. Tuy nhiên, khi mua hàng, bán hàng thì bị cáo đã gian dối và chiếm đoạt của chị số tiền bán hàng là 82.940.000đ (03 lần), bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Khi chị tố cáo hành vi của bị cáo thì bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị số tiền 50.000.000đ, số còn lại 32.940.000đ chị yêu cầu bị cáo phải trả nốt. Về hình phạt chị đề nghị HĐXX xét xử theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định: Lời khai nhận tội của bị cáo tại hồ sơ vụ án hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, lời khai của người bị hại và các tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền trả nợ, nên từ ngày 6/12/2021 và ngày 8/12/2021, Trần Thị Phương T đã dùng thủ đoạn gian dối: Kêu gọi chị Trịnh Thương D đầu tư, góp tiền cùng T để kinh doanh, bán hàng online. Sau khi khách đặt hàng, T đã giao hàng và nhận tổng số tiền 82.940.000đ của khách, nhưng T không trả tiền cho chị D như thoả thuận mà chiếm đoạt để chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Xét cáo trạng truy tố và lời trình bày luận tội của đại diện VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng nơi xảy ra tội phạm.

Về nhân thân của bị cáo: Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng trong thời gian ngắn bị cáo đã 03 lần lừa dối chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Mỗi lần chiếm đoạt được số tiền từ 2.000.000đ trở lên. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá tình điều tra, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường phần lớn thiệt hại do hành vi của mình đã gây ra. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ phân tích và nhận định trên, xét cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã gây ra. Cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị D số tiền 32.940.000đ.

Về xử lý vật chứng: HĐXX không xem xét

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Quyết định

Tuyên bố Trần Thị Phương T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 48 BLHS; Các Điều 585, 589 BLDS; Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Phương T 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Trịnh Thương D số tiền 32.940.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không chịu thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Về xử lý vật chứng: Không xem xét

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST và 1.647.000đ tiền án phí DSST.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND cùng cấp
- Thi hành án, Công an quận
- Bị cáo, người bị hại
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Vinh